

Họ và tên:

Lớp:

ÔN TẬP MÔN TOÁN

LỚP 3 – TUẦN 27

1. Viết (theo mẫu):

HÀNG					VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
4	7	3	2	8	47 328	bốn mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi tám
5	4	9	2	5		
8	4	3	1	1		
9	7	5	8	1		

2. Viết (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
28 743	hai mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi ba
97 846	
.....	ba mươi nghìn hai trăm ba mươi mốt
12 706	
.....	chín mươi nghìn ba trăm linh một

3. Số ?

a) 18 301; 18 302;;;; 18 306;

b) 32 606; 32 607;;;; 32 611;

c) 92 999; 93 000; 93 001;;; 93 004;

4. Số ?

a) 50 000; 60 000; 70 000;; 90 000;

b) 17 000; 18 000;;; 21 000;

c) 16 500; 16 600,;;;

d) 23 475; 23 476;;;;

5. Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
.....	12 534	
.....	43 905	
.....	62 370	
.....	39 999	
.....	99 999	

ĐÁP ÁN

1. Viết (theo mẫu):

HÀNG					VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
4	7	3	2	8	47 328	bốn mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi tám
5	4	9	2	5	54 925	năm mươi tư nghìn chín trăm hai mươi lăm
8	4	3	1	1	84 311	tám mươi tư nghìn ba trăm mười một
9	7	5	8	1	97 581	chín mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi một

2. Viết (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
28 743	hai mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi ba
97 846	chín mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi sáu
30 231	ba mươi nghìn hai trăm ba mươi một
12 706	mười hai nghìn bảy trăm linh sáu
90 301	chín mươi nghìn ba trăm linh một

3. Số ?

a) 18 301; 18 302; 18 303; 18 304; 18 305; 18 306; 18 307

b) 32 606; 32 607; 32 608; 32 609; 32 610; 32 611; 32 612

c) 92 999; 93 000; 93 001; 93 002; 93 003; 93 004; 93 005

4. Số ?

a) 50 000; 60 000; 70 000; 80 000; 90 000; 100 000

b) 17 000; 18 000; 19 000; 20 000; 21 000; 22 000

c) 16 500; 16 600; 16 700; 16 800; 16 900; 17 000

d) 23 475; 23 476; 23 477; 23 478; 23 479; 23 480

5.

Số

 ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
12 533	12 534	12 535
43 904	43 905	43 906
62 369	62 370	62 371
39 998	39 999	40 000
99 998	99 999	100 000